

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN NAM
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/DS-ST

Ngày: 14/8/2023.

*Về việc: “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Hồng Vinh
2. Ông Hoàng Văn Tâm;

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Duy Khánh

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia
phiên tòa:** bà Phạm Viết Diệu Tr

Ngày 28/7/2023 và ngày 14/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 17/2023/TLST – DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 28/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **bà Phan Thị Ph.Tr – sinh năm 1967 (có mặt)**

Địa chỉ: thôn T.T, xã T1.T2, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **ông Nguyễn C.M – sinh năm 1984 (vắng mặt)**

bà Vũ Thị Ph.Th – sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn H.L, xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ph.Tr trình bày: vào ngày 27/01/2019 ông Minh và bà Thảo đến nhà bà vay số tiền 100.000.000 đồng, khoảng 1 tháng sau, khi ông Minh bà Thảo đến trả lãi thì có vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 6%/tháng.

Khi vay ông Minh bà Thảo có ký tên vào mẫu giấy nợ có sẵn, bà Thảo là người điền vào giấy nợ, ông Minh bà Thảo cùng ký tên trước mặt bà. Mỗi lần vay tiền bà đều đưa đủ số tiền mà ông Minh bà Thảo vay, tiền lãi tháng đó qua đầu tháng sau trả.

Ngày 27/02/2019 ông Minh bà Thảo trả tiền lãi 6.000.000 đồng, vay thêm 100.000.000 đồng. từ đó trở đi ông Minh bà Thảo trả lãi mỗi tháng 12.000.000 đồng. Việc trả lãi được thực hiện đến 27/7/2019, từ đó trở đi ông Minh bà Thảo không trả lãi nữa.

Như vậy tổng số tiền lãi bà nhận là 66.000.000 đồng. Về số tiền gốc, ông Minh bà Thảo chưa trả đồng nào.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M phải trả toàn bộ số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 28/7/2019 đến ngày 31/12/2022, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết bị đơn là bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M không đến Tòa án để trình bày ý kiến mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

vụ án không tiến hành hòa giải

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M trả cho bà Phan Thị Ph.Tr toàn bộ số tiền 263.050.483 đồng.

Trong đó: tiền gốc là **150.491.263 đồng**

Lãi trong hạn là **103.241.131 đồng**

Lãi chậm trả là **9.318.089 đồng**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phan Thị Ph.Tr nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M có địa chỉ tại thôn H.L xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do đó, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn là bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa bà Phan Thị Ph.Tr yêu cầu bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M thanh toán toàn bộ số tiền 200.000.000 đồng cho bà Phan Thị Ph.Tr .

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn giao nộp cho

Tòa án chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền” được bà Thảo điền vào ngày 27/01/2019, có nội dung “bà tên Vũ Thị Ph.Th sinh năm 1989 hiện cư ngụ tại T.Th – Hàm Thuận Nam – Bình Thuận có mượn của Dì Tr số tiền 100.000.000 + 100.000.000 bằng chữ (~~một trăm triệu đồng chẵn~~) (hai trăm triệu đồng chẵn)”

Quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M đều đã được tổng đạt hợp lệ bản sao chứng cứ do phía nguyên đơn giao nộp nhưng không có ý kiến phản đối đối với chứng cứ trên. căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn không phải chứng minh đối với chứng cứ mình đã giao nộp.

Bà Phan Thị Ph.Tr thừa nhận lãi suất 2 bên thỏa thuận là 6%/tháng, đã nhận lãi từ ngày 27/01/2019 đến 27/7/2019, trong đó tháng đầu tiên lãi 6.000.000 đồng tính trên 100.000.000 đồng tiền gốc, từ tháng thứ hai trở đi tiền gốc tăng thêm 100.000.000 đồng nên lãi là 12.000.000 đồng; tổng số tiền lãi đã nhận từ bị đơn là 66.000.000 đồng. Đối với sự thừa nhận này của nguyên đơn là tự nguyện không gây bất lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy: mức lãi suất các bên thỏa thuận vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468. Do đó căn cứ theo khoản 1 điều 468, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm để làm căn cứ tính lãi suất. Phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực được trừ vào tiền gốc.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

“Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay.”

Lãi suất được tính lại cụ thể như sau:

Tháng đầu tiên (27/01/2019 – 27/02/2019) Số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Số tiền vượt quá là $6.000.000 - (100.000.000 \times 20\%):12 = 4.333.333$ đồng được trừ vào số tiền gốc : $100.000.000 - 4.333.333$ đồng còn 95.666.667 đồng

Tháng thứ 2 (27/02/2019 – 27/03/2019) tiền gốc là 195.666.667 đồng.
Số tiền lãi vượt quá là $12.000.000 - (195.666.667 \times 20\%):12 = 8.738.889$ đồng
được trừ vào số tiền gốc là $195.666.667 - 8.738.889 = 186.927.778$ đồng

Tháng thứ 3 (27/03/2019 – 27/04/2019) tiền gốc là 186.927.778 đồng
Số tiền vượt quá là $12.000.000 - (186.927.778 \times 20\%):12 = 8.884.537$ đồng được
trừ vào số tiền gốc : $186.927.778 - 8.884.537$ đồng còn 178.043.241 đồng

Tháng thứ 4 (27/04/2019 – 27/05/2019) tiền gốc là 178.043.241 đồng
Số tiền vượt quá là $12.000.000 - (178.043.241 \times 20\%):12 = 9.032.613$ đồng được
trừ vào số tiền gốc : $178.043.241 - 9.032.613$ đồng còn 169.010.628 đồng

Tháng thứ 5 (27/05/2019 – 27/06/2019) tiền gốc là 169.010.628 đồng
Số tiền vượt quá là $12.000.000 - (169.010.628 \times 20\%):12 = 9.183.156$ đồng được
trừ vào số tiền gốc : $169.010.628 - 9.183.156$ đồng còn 159.827.472 đồng

Tháng thứ 6 (27/06/2019 – 27/07/2019) tiền gốc là 159.827.472 đồng
Số tiền vượt quá là $12.000.000 - (159.827.472 \times 20\%):12 = 9.336.209$ đồng được
trừ vào số tiền gốc : $159.827.472 - 9.336.209$ đồng còn 150.491.263 đồng

Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận việc bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M còn nợ lại bà Phan Thị Ph.Tr số tiền gốc là 150.491.263 đồng là có thật, do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Về lãi suất trong hạn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn từ ngày 28/7/2019 đến ngày 31/12/2022 do từ thời điểm ngày 28/7/2019 trở đi bị đơn không tiếp tục trả lãi, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật, do đó áp dụng khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn kể từ ngày 28/7/2019 đến ngày 31/12/2022 (3 năm 127 ngày) với lãi suất 20%/năm

Như vậy lãi suất trong hạn là: $\{3 \times [(150.491.263 \times 20)/100]\} + [(150.491.263 \times 20)/100] : 365 \times 157 = \mathbf{103.241.131 \text{ đồng}}$

[3.3] Về lãi suất chậm trả: ngày 01/12/2022 nguyên đơn có thông báo yêu cầu bị đơn hoàn trả toàn bộ tiền nợ gốc chậm nhất là ngày 31/12/2022 (thông báo trên bị đơn đã nhận được ngày 03/12/2022), do đó kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 14/8/2023 (226 ngày), bị đơn còn phải chịu lãi suất chậm trả tính trên dự nợ gốc thực tế 150.491.263 đồng trường hợp này khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm trả, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468, áp dụng lãi suất 10%/năm để tính lãi chậm trả như sau:

$(150.491.263 \times 10 / 100) : 365 \times 226 = \mathbf{9.318.089 \text{ đồng}}$

[4] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận định bị đơn có vay nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc là 150.491.263 đồng là có thật, do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M trả cho bà Phan Thị Ph.Tr toàn bộ số tiền 263.050.483 đồng.

Trong đó: tiền gốc là **150.491.263 đồng**

Lãi trong hạn là **103.241.131 đồng**

Lãi chậm trả là **9.318.089 đồng**

[3.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ như sau: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn = 150%. Trong vụ án này các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng vượt quá, Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất trong hạn là 20%/năm, Do đó kể từ ngày 15/8/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm;

[4] nguyên đơn trình bày khoản tiền cho bị đơn vay là tài sản riêng của mình, điều này có sự thừa nhận của chồng nguyên đơn là ông Lê Ngọc Liêm, do đó Tòa án không đưa ông Lê Ngọc Liêm tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và Điều 266, 267, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 467, 468, 469 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ph.Tr

- buộc bị đơn bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M trả cho bà Phan Thị Ph.Tr toàn bộ số tiền 263.050.483 đồng.

Trong đó: tiền gốc là **150.491.263 đồng**

Lãi trong hạn là **103.241.131 đồng**

Lãi chậm trả là **9.318.089 đồng**

Kể từ ngày 15/8/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm;

*** Về án phí:**

Bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M phải chịu 13.152.524 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Ph.Tr chịu 2.475.437 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 6.193.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0013636 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hàm Thuận Nam. Hoàn trả cho bà Phan Thị Ph.Tr 3.718.063 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn bà Vũ Thị Ph.Th và ông Nguyễn C.M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Vũ